TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 186/2018/HNGĐ-ST Ngày: 13-4-2018 V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Minh – Phó Bí thư Quận đoàn 1

Bà Cao Kim Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2014/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2014 về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1009/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1982, cư trú tại: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trương Trung T, sinh năm 1980, cư trú tại: Đường D, phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang chấp hành án tại Phân trại H, Trại giam I, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trương Trung T tự nguyện kết hôn năm 2004, có một con chung là Nguyễn Trương Hoàng L, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2004. Quá trình chung sống, bà và ông T có nhiều bất đồng không thể hòa giải, do ông T rất hung dữ hay đi nhậu về chửi mắng, đánh đập bà, không cho bà trò chuyên, tiếp xúc với con. Về phía gia đình chồng có thái độ dửng dưng cùng với ông T xua đuổi bà ra khỏi nhà từ đầu năm 2007. Bà và ông T đã ly hôn theo bản án số

38/2007/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bản án, con chung là cháu Nguyễn Trương Hoàng L giao cho ông T trực tiếp nuôi. Tuy nhiên hiện nay ông T đang chấp hành án không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu L được tốt, bản thân bà có nhà ở và thu nhập ổn định, đảm bảo được các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trương Hoàng L, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2004, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Trong các biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 10 năm 2016 và ngày 27 tháng 02 năm 2018, bị đơn là ông Nguyễn Trương Trung T trình bày: Cháu Nguyễn Trương Hoàng L hiện đang sống cùng bà nội và bác Tư tại Đường K, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh điều kiện rất tốt, từ xưa đến nay cháu đã xa mẹ là bà Nguyễn Thị Thu D. Theo ông thì cháu L không thích mẹ và không muốn ở cùng với mẹ. Sau khi ông chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức thì bà nội, gia đình bác Tư và gia đình cô Hai trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cả gia đình đều rất yêu thương cháu L. Hiện nay cháu L đã ổn định chỗ sinh hoạt và học tập rất tốt nên ông không đồng ý việc Bà D trực tiếp nuôi con vì như thế sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu sau này. Ông muốn mẹ ruột của ông là bà Nguyễn Thị X (bà nội) chăm sóc, giáo dục cháu L vì cháu L đã ở cùng ông và bà nội từ năm cháu L 02 tuổi đến nay nên có nhiều tình cảm. Ông tôn trọng ý kiến của cháu L, nếu cháu L muốn ở với mẹ thì ông đồng ý cho cháu L ở với mẹ, nếu cháu L muốn ở với bà nội thì ông đồng ý cho cháu L ở với bà nội và đề nghị Tòa án xét xử theo tâm tư, nguyện vọng của cháu L để sau này cháu L không trách cứ gì cha mẹ. Hiện nay ông đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức nên ông tùy theo ý cháu L. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu D khởi kiện tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với ông Nguyễn Trương Trung T, cư trú tại Đường D, phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà D và ông T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại Bản án số 38/2007/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã công nhận thuận tình ly hôn

giữa Bà D và ông T; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là Nguyễn Trương Hoàng L, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2014 cho ông T trực tiếp nuôi.

[4] Xét thực tế việc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trương Hoàng L của ông T sau khi ly hôn:

[5] Ngày 14 tháng 12 năm 2016, Tòa án đã đến Đường K, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để ghi nhận ý kiến của cháu L, tuy nhiên, bà Nguyễn Thị X là bà nội cháu L cho biết bà không thể đưa cháu L đến Tòa án vì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu; Hơn nữa, việc học của cháu L rất bận. Vì vậy, để cháu L tập trung việc học, bà muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L. Bà không muốn cháu L bị phân tâm khi biết có việc tranh chấp của cha mẹ.

[6] Theo Văn bản số 87/UBND ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh thì cháu Nguyễn Trương Hoàng Lonh sống cùng cha và bà nội từ khi cháu L khoảng 03 tuổi, đến khi cha cháu L chấp hành án thì cháu L sống cùng bà nội, cô và bác; cả gia đình cùng chăm sóc và nuôi dưỡng cháu, có cuộc sống rất tốt, rất yêu thương cháu, luôn tạo mọi điều kiện sinh hoạt và học tập tốt cho cháu. Nguyện vọng của cháu L không đồng ý sống cùng với mẹ vì từ nhỏ đến nay đã không sống cùng mẹ, việc sống cùng mẹ sẽ ảnh hưởng đến việc học tập, tâm lý, cuộc sống của cháu.

[7] Lời trình bày của các bên đương sự phù hợp với thông tin chính quyền địa phương cung cấp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, sau khi Bà D và ông T ly hôn, cháu L sống cùng ông T và bà nội của cháu L là bà Nguyễn Thị X. Ngày 23 tháng 3 năm 2014, ông T bị bắt về tội giết người, đến ngày 28 tháng 9 năm 2015 thì ông T được chuyển đến chấp hành án tại Trại tạm giam Bố Lá và chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức ngày 13 tháng 11 năm 2015. Sau khi ông T bị bắt đến nay, cháu L sống cùng bà nội là bà Nguyễn Thị X và gia đình bà Xuân tại Đường K, Phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc chăm sóc, giáo dục cháu L chủ yếu là do bà nội và các cô, bác thực hiện, ông T đang chấp hành án không thể trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu L.

[8] Xét điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hiện tại của mỗi bên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[9] Bà D có nơi ở ổn định tại Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 236/2008.UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Ái Phú ngày 02 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi chủ cho ông Bùi Quang Chiến, bà Nguyễn Thị Thu D ngày 12 tháng 8 năm 2015), có thu nhập ổn định (nhà và nhà trọ cho thuê).

[10] Ông T bị bắt ngày 23 tháng 3 năm 2014 về tội giết người, hiện đang chấp hành án phạt 16 năm tù tại Trại giam Thủ Đức theo Bản án số 311/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[11] Từ những nhận định trên, xét thấy, ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bản thân Bà D tha

thiết xin được nuôi con. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu L, việc giao cháu L cho Bà D trực tiếp nuôi là cần thiết và phù hợp quy định tại Điều 81, điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà D, giao cháu L cho Bà D trực tiếp nuôi.

[12] Ghi nhận sự tự nguyện của Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[13] Về án phí sơ thẩm: Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu D

Giao con chung của bà Nguyễn Thị Thu D và ông Nguyễn Trương Trung T là cháu Nguyễn Trương Hoàng L, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2004 cho bà Nguyễn Thị Thu D trực tiếp nuôi, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Trương Hoàng L đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Trương Trung T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu D không yêu cầu ông Nguyễn Trương Trung T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Trương Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu D 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AB/2012/04834 ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Quỳnh Trâm